

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2838 /BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông tư
hướng dẫn quản lý, thu chi đối
với lễ hội và di tích (lần 3)

VĂN PHÒNG TW GHPG VN

**CÔNG
VĂN
ĐẾN**Số:
Ngày: 31/3/2022
Chuyên: ..
Lưu: 2018

Kính gửi: Hội đồng Tự sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Điều 19 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội, quy định: “Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng việc quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội”.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư và hai lần có công văn gửi xin ý kiến các Bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; gửi đăng dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi nhân dân. Bộ Tài chính đã nhận được khoảng 1.700 ý kiến góp ý bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Bộ Tài chính đã tổ chức nghiên cứu các ý kiến góp ý, trên cơ sở đó hoàn chỉnh lại dự thảo Thông tư (kèm theo).

Để bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan, tổ chức có ý kiến tham gia đối với dự thảo Thông tư nêu trên (lần 3). Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tài chính theo địa chỉ: Số 28 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội trước ngày 20 tháng 4 năm 2022.

Rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý cơ quan, tổ chức, cá nhân./. y

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của QH (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Công TTĐT của Chính phủ (để đăng tải);
- Công TTĐT của Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Các đơn vị: PC, NSNN, KBNN;
- Lưu: VT, HCSN (25) *AK*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Võ Thành Hưng**

PHỤ LỤC

Danh sách cơ quan, tổ chức gửi lấy ý kiến trực tiếp bằng văn bản
(Kèm theo công văn số 2838/BTC-HCSN ngày 29/3/2022 của Bộ Tài chính)

1. Các Bộ, cơ quan Trung ương

- Bộ Tư pháp.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Bộ Nội vụ.
- Bộ Công an.
- Ban Dân vận Trung ương.
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Hội Cựu chiến binh Việt Nam

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố: 63 tỉnh, thành phố

3. Một số tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận có số lượng tín đồ lớn

STT	Tôn giáo	Tổ chức tôn giáo đại diện
1	Phật giáo	Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam
2	Công giáo	Hội đồng Giám mục Việt Nam
3	Tin Lành	Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc)
4	Cao Đài	Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên
5	Hòa Hảo	Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo
6	Hồi giáo	Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo TP.HCM

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội
và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội**

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động tổ chức lễ hội.
2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích.
3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tổ chức lễ hội, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức* là lễ hội thuộc các trường hợp sau:
 - a) Lễ hội do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp tổ chức;
 - b) Lễ hội do cơ quan nhà nước ở trung ương tổ chức, trong đó người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu là Trưởng Ban tổ chức lễ hội;
 - c) Lễ hội do cơ quan nhà nước ở địa phương tổ chức, trong đó Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Trưởng Ban tổ chức lễ hội.
2. *Lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức* là lễ hội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
3. *Di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng* gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.
4. *Ban Quản lý di tích là tổ chức kiêm nhiệm* là tổ chức được thành lập theo quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích của địa phương để bảo vệ và phát huy giá trị đối với từng di tích hoặc nhóm di tích trên địa bàn. Thành phần Ban Quản lý di tích gồm đại diện các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khác và cá nhân có liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, tùy theo quy định của địa phương.
5. *Tiền công đức, tài trợ* là các khoản đóng góp, tài trợ dưới hình thức hiến, tặng, cho và các hình thức đóng góp tự nguyện khác của tổ chức, cá nhân cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích, bao gồm:
 - a) Bằng tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ): Tiền mặt, tiền chuyển khoản, bao gồm tiền trong hòm công đức, tiền đặt lễ, tiền khấn, tiền giọt dầu và những loại tiền đóng góp tự nguyện tương tự khác được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau;
 - b) Bằng các loại giấy tờ có giá và kim khí quý, đá quý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chương II

QUẢN LÝ, THU CHI TÀI CHÍNH CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC LỄ HỘI

Điều 4. Nguồn tài chính cho công tác tổ chức lễ hội

1. Nguồn tài chính cho công tác tổ chức lễ hội bao gồm:
 - a) Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
 - b) Trích từ nguồn thu công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội (áp dụng đối với lễ hội truyền thống được tổ chức định kỳ tại di tích);
 - c) Các khoản thu từ hoạt động dịch vụ trong khu vực tổ chức lễ hội phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của địa phương nơi tổ chức lễ hội;

d) Tiền lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại theo quy định;

đ) Ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống (nếu có).

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội phải quản lý, sử dụng các nguồn tài chính cho công tác tổ chức lễ hội hiệu quả, bảo đảm đúng mục đích, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng.

Điều 5. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí đối với lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức

1. Ban tổ chức lễ hội khi ban hành quy chế làm việc và phân công trách nhiệm của các thành viên Ban tổ chức lễ hội theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ, trong đó có nội dung phân công cho một đơn vị chức năng chủ trì thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội.

2. Đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao chủ trì tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội có trách nhiệm:

a) Mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội theo hình thức chuyển khoản, phương thức thanh toán điện tử.

Trường hợp tiếp nhận bằng tiền mặt phải cử người tiếp nhận, mở sổ ghi chép đầy đủ số tiền đã tiếp nhận và gửi số tiền tạm thời nhàn rỗi vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để bảo đảm việc quản lý an toàn, minh bạch các khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân cho tổ chức lễ hội;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập dự toán thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội, trình Trưởng Ban tổ chức lễ hội phê duyệt. Dự toán thu, chi được lập căn cứ vào chương trình, hoạt động trong khuôn khổ lễ hội, khả năng các nguồn tài chính theo quy định tại Điều 4 và nội dung chi, mức chi cho công tác tổ chức lễ hội theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;

c) Sử dụng kinh phí cho lễ hội theo dự toán đã được phê duyệt; các khoản chi phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định;

d) Hạch toán các khoản thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội vào nguồn hoạt động khác được để lại (kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên) theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành;

đ) Kết thúc lễ hội, lập báo cáo quyết toán thu, chi tổ chức lễ hội, trình Trưởng Ban tổ chức lễ hội phê duyệt. Báo cáo quyết toán được gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký hoặc thông báo tổ chức lễ hội và cơ quan tài chính cùng cấp để phục vụ cho công tác quản lý. Đối với số dư kinh phí (nếu có), chuyển sang năm sau sử dụng cho tổ chức lễ hội năm sau; trường hợp năm sau không tổ chức lễ hội thì báo cáo Trưởng Ban tổ chức lễ hội để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định việc tổ chức lễ hội xem xét, quyết định.

3. Đối với hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống được ngân sách nhà nước hỗ trợ, thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 6. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí đối với lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức

1. Tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội phải mở sổ ghi chép đầy đủ các khoản thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội; tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội, bảo đảm phù hợp với tôn chỉ, mục đích tổ chức lễ hội và quy định của pháp luật.

2. Kết thúc lễ hội, tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội phải tổng kết việc thu, chi cho công tác tổ chức lễ hội; nội dung tổng kết này được thể hiện trong báo cáo kết quả tổ chức lễ hội gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký hoặc thông báo tổ chức lễ hội theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ.

Điều 7. Nội dung chi, mức chi cho công tác tổ chức lễ hội

1. Nội dung chi bao gồm:

- a) Chi các hoạt động thông tin tuyên truyền, quảng bá về lễ hội;
- b) Chi phí treo, đặt các bảng, biển chỉ dẫn, trang trí, âm thanh, ánh sáng tạo sức hấp dẫn đối với khách tham dự, nghiên cứu lễ hội;
- c) Chi phục dựng, trình diễn, biểu diễn các nghi lễ của lễ hội;
- d) Chi ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại trong tổ chức lễ hội;
- đ) Chi tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội nghị, hội thảo và các sự kiện giới thiệu về giá trị văn hóa của lễ hội;
- e) Chi công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong khu vực lễ hội;
- g) Chi thù lao cho các thành viên Ban tổ chức lễ hội và những người được Ban tổ chức lễ hội cử tham gia phục vụ hoạt động lễ hội;
- h) Chi văn phòng phẩm, in ấn, phô tô tài liệu, tiền điện, tiền nước, cước phí điện thoại, cước phí bưu chính, cước phí internet, lễ tân, khánh tiết; tiền sử dụng tài liệu kỹ thuật, dịch vụ kỹ thuật; thuê địa điểm, thiết bị, nhân sự phục vụ sự kiện; các khoản thuê mướn và chi khác tùy theo thực tế của từng lễ hội.

2. Các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này là những nội dung chi cơ bản cho công tác tổ chức lễ hội; nội dung chi cụ thể tùy theo thực tế của từng lễ hội và chủ thể tổ chức, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Mức chi:

a) Đối với lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức: Mức chi thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp khoản chi chưa có quy định về mức chi, Trưởng Ban tổ chức lễ hội quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với thực tế, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Đối với lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức: Mức chi do tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội quyết định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 8. Chi ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống nhằm phát huy lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, duy trì các giá trị văn hóa đặc sắc, tiêu biểu, đáp ứng đời sống tinh thần của nhân dân.

2. Mức ngân sách hỗ trợ cụ thể được căn cứ vào thực tế của hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống, quy mô của lễ hội, khả năng huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho công tác tổ chức lễ hội, khả năng cân đối ngân sách nhà nước và do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước.

3. Các khoản chi ngân sách nhà nước hỗ trợ lễ hội truyền thống chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Đơn vị được giao chủ trì tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội thực hiện lập dự toán, chấp hành ngân sách nhà nước, kế toán và quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Kinh phí hỗ trợ lễ hội truyền thống được hạch toán vào loại 160, khoản 161 (sự nghiệp văn hóa thông tin), chi tiết theo mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

Chương III

**QUẢN LÝ, THU CHI TIỀN CÔNG ĐỨC, TÀI TRỢ
CHO DI TÍCH VÀ HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI**

Điều 9. Tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội

1. Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo hình thức chuyển khoản, phương thức thanh toán điện tử.

2. Tiếp nhận tiền mặt: Phải mở sổ ghi chép đầy đủ số tiền đã tiếp nhận. Đối với tiền trong hòm công đức, tiền đặt lễ, tiền khấn, tiền giọt dầu và những loại tiền tương tự (nếu có), định kỳ hằng ngày hoặc hằng tuần thực hiện kiểm đếm, ghi tổng số tiền tiếp nhận. Đối với số tiền tạm thời nhận rồi gửi vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để bảo đảm việc quản lý an toàn, minh bạch các khoản công đức, tài trợ của tổ chức, cá nhân.

3. Tiếp nhận giấy tờ có giá: Mở sổ ghi tên giấy tờ có giá, số tiền ghi trên giấy tờ có giá, tổ chức phát hành. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng giấy tờ có giá, bao gồm thanh toán trước hạn hoặc thanh toán khi đến hạn, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng, cho (nếu có).

4. Tiếp nhận kim khí quý, đá quý: Mở sổ ghi tên kim khí quý, đá quý và giá trị tương ứng theo tài liệu do tổ chức, cá nhân hiến, tặng, cho cung cấp. Tổ chức,

cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kim khí quý, đá quý, bao gồm tổ chức bán đấu giá hoặc bán cho ngân hàng thương mại hoặc đưa vào lưu giữ, bài trí, trưng bày tại di tích, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng, cho (nếu có).

Điều 10. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng

1. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được vận dụng quy định tại Điều 9 Thông tư này để thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

2. Đối với di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng không có hoạt động lễ hội truyền thống do cơ quan nhà nước tổ chức:

Tiền công đức, tài trợ cho di tích là tài sản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, bảo đảm đúng mục đích và có hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và pháp luật khác có liên quan; được vận dụng quy định tại Điều 14 Thông tư này để thực hiện.

3. Đối với di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng có hoạt động lễ hội truyền thống do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích; nguồn thu công đức, tài trợ tại di tích được sử dụng như sau:

a) Trích chi cho công tác tổ chức lễ hội: Số tiền này được chuyển vào tài khoản của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao chủ trì tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này. Mức trích và hình thức chuyển tiền do Trưởng Ban tổ chức lễ hội và người đại diện theo pháp luật của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc tại di tích thỏa thuận thống nhất bằng văn bản;

b) Số tiền còn lại, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý và sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 11. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích thuộc sở hữu tư nhân

1. Chủ sở hữu di tích được vận dụng quy định tại Điều 9 Thông tư này để thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích.

2. Tiền công đức, tài trợ cho di tích là tài sản của chủ sở hữu di tích. Chủ sở hữu di tích có trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, bảo đảm đúng mục đích và có hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan; được vận dụng quy định tại Điều 14 Thông tư này để thực hiện.

Điều 12. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Nguồn thu công đức, tài trợ tại di tích được sử dụng như sau:

a) Trích chi cho công tác tổ chức lễ hội (áp dụng đối với di tích có hoạt động lễ hội truyền thống do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích): Mức trích căn cứ vào kế hoạch tổ chức lễ hội của Ban tổ chức lễ hội. Đơn vị được giao quản lý, sử dụng di tích có trách nhiệm chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được giao chủ trì tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Trường hợp đơn vị được giao quản lý, sử dụng di tích đồng thời là đơn vị được giao chủ trì tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

b) Trích chi cho hoạt động thường xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này: Mức trích căn cứ vào phương án tự chủ tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn tài chính để chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Số tiền còn lại để chi cho các hoạt động đặc thù theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này. Đến cuối năm, số dư kinh phí (nếu có) được chuyển sang năm sau sử dụng cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích năm sau.

3. Hằng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, đơn vị lập dự toán thu, chi theo quy định, trong đó có thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; đề xuất mức trích cho từng nội dung sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này, báo cáo đơn vị quản lý cấp trên trực thuộc hoặc cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

4. Các khoản thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội được hạch toán, quyết toán vào nguồn hoạt động khác được để lại theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành.

Điều 13. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích giao cho Ban Quản lý di tích là tổ chức kiêm nhiệm quản lý, sử dụng

1. Ban Quản lý di tích thực hiện tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Nguồn thu công đức, tài trợ tại di tích được sử dụng như sau:

a) Trích chi cho công tác tổ chức lễ hội (áp dụng đối với di tích có hoạt động lễ hội truyền thống do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích): Mức trích căn cứ vào kế hoạch tổ chức lễ hội hằng năm của Ban tổ chức lễ hội. Ban Quản lý di tích có trách nhiệm chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được giao chủ trì tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Trường hợp Ban Quản lý di tích đồng thời là đơn vị được giao chủ trì tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

b) Trích chi cho hoạt động thường xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này: Mức trích căn cứ vào Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích do Trưởng Ban Quản lý di tích ban hành;

c) Số tiền còn lại để chi cho các hoạt động đặc thù theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này. Đến cuối năm, số dư kinh phí (nếu có) được chuyển sang năm sau sử dụng cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích năm sau.

3. Hằng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Ban Quản lý di tích lập kế hoạch thu, chi các nguồn tài chính cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo quy định, trong đó có nguồn công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; đề xuất mức trích cho từng nội dung sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều này, báo cáo đơn vị quản lý cấp trên trực thuộc hoặc cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định về phân cấp quản lý di tích của địa phương.

4. Kết thúc năm tài chính, Ban Quản lý di tích lập báo cáo quyết toán thu, chi các nguồn tài chính cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, trong đó có nguồn công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội, báo cáo đơn vị quản lý cấp trên trực thuộc hoặc cơ quan tài chính cùng cấp để xét duyệt, thẩm định, tổng hợp theo quy định về phân cấp quản lý di tích của địa phương.

5. Ban Quản lý di tích có trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, trong đó có nguồn công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội; phân công cho một đơn vị chức năng chủ trì thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo quy định tại Điều này.

6. Đơn vị được Ban Quản lý di tích giao chủ trì thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích mở sổ kế toán, hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi theo quy định. Đối với nguồn công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội được hạch toán, quyết toán vào nguồn hoạt động khác được để lại (kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên) theo quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành.

Điều 14. Nội dung chi, mức chi bảo vệ và phát huy giá trị di tích

1. Các khoản chi thường xuyên bao gồm:

a) Chi tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo tiền lương đối với người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động;

b) Chi thù lao cho người được cử tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di tích không thuộc đối tượng quy định tại điểm a Khoản này;

c) Chi hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo (đối với di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng);

d) Chi công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong khu vực di tích;

đ) Chi thanh toán dịch vụ công cộng; vật tư văn phòng; thông tin, liên lạc; hội nghị; công tác phí; chi phí nghiệp vụ chuyên môn; lễ tân, khánh tiết; thuê mướn; mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn quản lý di tích;

e) Các khoản chi thường xuyên khác tùy theo từng di tích.

2. Các khoản chi đặc thù bao gồm:

a) Chi các hoạt động thông tin tuyên truyền, quảng bá về di tích;

b) Chi phí treo, đặt các bảng, biển chỉ dẫn, trang trí, âm thanh, ánh sáng tạo sức hấp dẫn đối với khách tham quan, nghiên cứu di tích;

c) Chi bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật khác có liên quan;

d) Chi cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ trong phạm vi địa bàn di tích, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật gồm nhà làm việc, nhà khách, nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh, đường giao thông, đường điện, cấp thoát nước, bãi đỗ xe, tường rào khuôn viên và các công trình tương tự khác;

đ) Chi ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, công nghệ số nhằm hỗ trợ nâng cao trải nghiệm của khách tham quan, nghiên cứu di tích;

e) Chi trồng và chăm sóc cây hoa, cây cảnh trong phạm vi địa bàn di tích;

g) Chi phí về chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng, sở hữu tài sản; tổ chức bán đấu giá; thuê định giá kim khí quý, đá quý; thuê giám định hiện vật được phép mua bán, trao đổi, tặng cho theo quy định của pháp luật;

h) Chi hoạt động từ thiện, nhân đạo;

i) Các khoản chi đặc thù khác tùy theo từng di tích.

3. Các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là những nội dung chi cơ bản để bảo vệ và phát huy giá trị di tích; nội dung chi cụ thể tùy theo thực tế của từng di tích, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Mức chi:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý di tích là tổ chức kiêm nhiệm: Mức chi thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và thực tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Đối với tổ chức, cá nhân khác là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng: Mức chi do tổ chức, cá nhân quyết định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 16. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận tổ chức lễ hội và các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích theo quy định tại Thông tư này có trách nhiệm:

a) Công khai việc thu, chi các khoản hỗ trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện cho tổ chức, cá nhân đã có đóng góp tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích (nếu tổ chức, cá nhân này có yêu cầu);

b) Cung cấp kịp thời thông tin theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan có liên quan rà soát các văn bản quy định của địa phương liên quan đến việc quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiên công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN. (230)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Thành Hưng

THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ

Quy định quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội

(Kèm theo công văn số 2838 /BTC-HCSN ngày 29/3/2022 của Bộ Tài chính)

I. Về quá trình xây dựng dự thảo Thông tư

1. Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Thông tư này được căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 24 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “*Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư để quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ*”.

- Khoản 27 Điều 2 Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, bao gồm: “*Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và theo quy định của pháp luật*”.

- Khoản 6 Điều 19 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội, quy định: “*Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng việc quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội*”.

Ngoài ra, phần căn cứ ban hành còn có căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, là do dự thảo Thông tư có quy định chi NSNN hỗ trợ đối với hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống (Điều 8).

2. Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư và đã hai lần có công văn gửi xin ý kiến các Bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; gửi đăng dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi nhân dân. Bộ Tài chính đã nhận được khoảng 1.700 ý kiến góp ý bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Bộ Tài chính đã tổ chức nghiên cứu các ý kiến góp ý, trên cơ sở đó hoàn chỉnh lại dự thảo Thông tư.

II. Về một số nội dung quy định trong dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư được bố cục gồm 4 chương và 16 điều, trong đó:

1. **Điều 3** giải thích từ ngữ đối với một số thuật ngữ để thống nhất cách hiểu trong dự thảo Thông tư này, trong đó:

1.1. Tại khoản 1 và 2 giải thích “*Lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức*” và “*Lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức*”, lý do: Theo Điều 3 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, có 4 loại lễ hội, gồm: (1) Lễ hội truyền thống, (2) lễ hội văn hóa, (3) lễ hội ngành nghề và (4) lễ hội có nguồn gốc từ nước ngoài. Tuy nhiên, xét về góc độ quản lý tài chính thì chỉ có 2 nhóm chủ thể tổ chức lễ hội, đó là: Lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức và lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức. Sau đây là một số lễ hội tiêu biểu theo chủ thể tổ chức:

- Lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức, trong đó: (1) Lễ hội do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và UBND cấp tỉnh phối hợp tổ chức, tiêu biểu là Lễ hội Đền Hùng ở Phú Thọ được tổ chức vào các năm tròn, dịp kỷ niệm Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (10-3 Âm lịch) theo điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 145/2013/NĐ-CP; (2) Lễ hội do cơ quan nhà nước ở địa phương tổ chức, tiêu biểu: Lễ Hội Đền Hùng ở Phú Thọ (tổ chức vào các năm lẻ 5 và các năm khác); lễ hội chùa Keo ở Thái Bình; lễ hội Tịch điền ở Hà Nam; lễ hội Hoa Ban của dân tộc Thái ở Tây Bắc...

- Lễ hội không phải do cơ quan nhà nước tổ chức, tiêu biểu: (1) Lễ Hội Cầu Ngư của nhân dân làng Thái Dương Hạ ở tỉnh Thừa Thiên Huế; (2) lễ hội Yên Sào Nha Trang ở tỉnh Khánh Hòa; (3) lễ hội Yên Tử ở tỉnh Quảng Ninh, lễ Phật đản của Phật giáo; (4) lễ Giáng sinh, Phục sinh của đạo Công giáo, đạo Tin lành; (6) Đại lễ Hội Yên Diêu Trì Cung của Hội thánh Cao đài Tây Ninh...

1.2. Tại khoản 3 và 4 giải thích “*Di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng*” và “*Ban Quản lý di tích là tổ chức kiêm nhiệm*”, lý do:

Theo Điều 11 Nghị định số 98/2010/NĐ-CP, có 4 loại di tích, gồm: (1) Di tích lịch sử (di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân), (2) di tích kiến trúc nghệ thuật, (3) di tích khảo cổ và (4) danh lam thắng cảnh.

Xét về góc độ quản lý tài chính được chia theo 4 nhóm chủ thể là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích như sau:

Nhóm 1: Di tích là cơ sở tôn giáo. Theo khoản 14 Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo: Cơ sở tôn giáo gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở và cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo. Theo các Điều 28, 29 và 30 Luật Di sản văn hóa, cơ sở tôn giáo là di tích khi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng di tích. Do đó, đối với cơ sở tôn giáo chưa được công nhận là di tích thì không thuộc đối tượng áp dụng Thông tư này.

Một số cơ sở tôn giáo là di tích như: (1) Cơ sở Phật giáo: Chùa Quán Sứ và chùa Thiên Phúc ở Hà Nội, Chùa Keo ở Thái Bình, chùa Côn Sơn ở Hải Dương, chùa Thiên Mụ ở Thừa Thiên Huế; (2) Cơ sở Công giáo: Nhà thờ đá Phát Diệm ở Ninh Bình, Nhà thờ chánh tòa Kon Tum ở Kon Tum; (3) Cơ sở Cao Đài: Tòa Thánh Tây Ninh ở tỉnh Tây Ninh, Tòa thánh Cao đài Ban chính ở Bến Tre,...

Nhóm 2: Di tích thuộc sở hữu tư nhân, tiêu biểu: Dinh thự họ Vương ở cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang; Nhà cổ ở phố cổ Hội An, Quảng Nam. Di tích thuộc nhóm này có đặc điểm là kinh phí đầu tư xây dựng do tư nhân bảo đảm, việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích cũng do chủ sở hữu di tích quyết định.

Nhóm 3: Di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng, gồm Ban Quản lý di tích, Ban Quản lý khu di tích và tổ chức có tên gọi khác là đơn vị sự nghiệp công lập (được thành lập, tổ chức lại theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập) để quản lý, sử dụng đối với các di tích có giá trị đặc biệt của quốc gia, nằm trên địa bàn có ưu thế về tài nguyên du lịch, được Nhà nước quy hoạch, đầu tư nhằm phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch. Sau đây là 6 đơn vị sự nghiệp công lập tiêu biểu thuộc 6 cơ quan khác nhau:

(1) Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch: là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, được thành lập theo Quyết định số 481/QĐ-BVHTTDL ngày 03/3/2014 của Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch.

(2) Ban Quản lý khu di tích lịch sử Đền Hùng, là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh Phú Thọ, được thành lập theo Quyết định số 1522/2005/QĐ-UBND ngày 09/6/2005 của UBND tỉnh Phú Thọ.

(3) Ban Quản lý di tích lịch sử quốc gia Đền Cửa Ông: là đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố Cẩm Phả-Quảng Ninh, được thành lập theo Quyết định số 4220/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

(4) Trung tâm Quản lý di tích Thành cổ Quảng Trị, là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị, được thành lập theo Quyết định số 2101/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị.

(5) Ban Quản lý khu di tích Ngã ba Đồng Lộc, là đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Hà Tĩnh, được thành lập theo Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 12/6/1998 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

(6) Ban Quản lý khu di tích thành Cổ Loa, Hà Nội, là đơn vị sự nghiệp thuộc Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 7228/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội.

Nhóm 4: Di tích giao cho Ban Quản lý di tích là tổ chức kiêm nhiệm quản lý, sử dụng. Căn cứ quy định tại Nghị định số 98/2010/NĐ-CP và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tại các địa phương đều có văn bản quy định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích **trên địa bàn**¹, trong đó:

Di tích thuộc nhóm này chủ yếu là cơ sở tín ngưỡng gồm đình, đền, miếu, nhà thờ và những cơ sở tương tự khác đã được xếp hạng di tích, nơi không đủ điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. Tại các địa phương thành lập Ban Quản lý di tích là tổ chức hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm để bảo vệ và phát huy giá trị đối với từng di tích hoặc nhóm di tích trên địa bàn. Thành phần Ban Quản lý di tích gồm đại diện các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khác và cá nhân có liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích, tùy theo quy định của địa phương.

1.3. Khoản 5 giải thích "*Tiền công đức, tài trợ*", lý do: thuật ngữ "tiền công đức" chỉ có trong quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP; tuy nhiên, Nghị định này không có nội dung giải thích "tiền công đức". Tại các

¹ **Bắc Cạn** (Quyết định số 1454/2013/QĐ-UBND ngày 10/9/2013); **Thái Nguyên** (Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 15/3/2021); **Hà Giang** (Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 11/8/2021); **Hải Dương** (Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/9/2021); **Nam Định** (Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 07/7/2017); **Thái Bình** (Quyết định số 2033/QĐ-UBND ngày 27/7/2017); **Nghệ An** (Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/02/2016); **Quảng Bình** (Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018); **Tây Ninh** (Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 27/11/2019); **Đồng Nai** (Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 07/4/2021); **Trà Vinh** (Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 15/9/2020); **Cà Mau** (Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 08/10/2021),...

Luật Di sản văn hóa, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, Luật NSNN và các Nghị định của Chính phủ, trong Từ điển Tiếng Việt không có “tiền công đức”.

2. Điều 4 quy định nguồn tài chính cho công tác tổ chức lễ hội:

Tại điểm đ khoản 1 quy định nguồn NSNN hỗ trợ lễ hội truyền thống được căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP về chính sách của Nhà nước về lễ hội: “*Hỗ trợ hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống nhằm duy trì các giá trị văn hóa đặc sắc, tiêu biểu, đáp ứng đời sống tinh thần của nhân dân*”. Theo quy định này, chỉ có hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống mới được NSNN xem xét hỗ trợ, đối với các hoạt động lễ hội khác phải được sử dụng từ các nguồn tài chính ngoài NSNN.

3. Điều 5 quy định tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí đối với lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức:

Tại điểm a khoản 2 quy định: “*Mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí cho hoạt động lễ hội theo hình thức chuyển khoản, phương thức thanh toán điện tử*” để bảo đảm tách bạch, công khai, minh bạch, đúng mục đích trong hoạt động lễ hội tại các cơ quan nhà nước; đồng thời, bảo đảm thuận lợi cho công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý thu, chi tài chính cho hoạt động lễ hội.

4. Điều 9 quy định tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích:

Tại khoản 1 quy định: “*Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích theo hình thức chuyển khoản, phương thức thanh toán điện tử*”.

Quy định nêu trên để bảo đảm cho việc tiếp nhận, quản lý tiền công đức, tài trợ an toàn, thuận tiện, lý do: thời gian qua đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản tại các di tích, có không ít nhà chùa *trình báo mất trộm*² hàng tỷ đồng; mặt khác, khi xảy ra đại dịch Covid-19, có nhiều tổ chức, cá nhân có nhu cầu công đức, tài trợ cho di tích nhưng không thực hiện được do thực hiện giãn cách xã hội.

5. Điều 10 quy định quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng:

5.1. Nội dung Điều 10 được căn cứ vào một số quy định sau đây:

Thứ nhất, căn cứ vào quy định của Luật Di sản văn hóa:

- Khoản 1 Điều 8: “*Mọi di sản văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, thuộc các hình thức sở hữu, đều được bảo vệ và phát huy giá trị*”.

² Nguồn các báo điện tử: Chùa Phước Nguyên ở Tam Phước, Châu Thành, Bến Tre (tháng 5/2020 bị kẻ gian đột nhập vào phòng nghỉ của trụ trì chùa, lấy trộm gần **20 lượng vàng, trị giá hơn 1 tỷ đồng**). Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác ở Thạnh Tân, Tân Phước, Tiền Giang (tháng 11/2015 mất trộm khoảng **170 triệu đồng**). Chùa Quảng Phước ở Tân Xuân, Hàm Tân, Bình Thuận (tháng 6/2018 bị kẻ gian đột nhập lấy trộm hơn **60 triệu đồng** tiền cúng dường trong lễ Phật Đản). Chùa Đậu ở xã Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội (tháng 9 và 10/2018, kẻ trộm 3 lần đột nhập vào phòng của trụ trì chùa lấy trộm tổng số **410 triệu đồng**) ...

- Khoản 1 Điều 33: “*Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích có trách nhiệm bảo vệ di tích đó*”.

- Điều 62: “*Nguồn tài chính dành cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả*”.

Thứ hai, căn cứ vào quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo:

- Điều 3: “*Trách nhiệm của Nhà nước: Tôn trọng, bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo*”.

- Khoản 6 Điều 7: “*Quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc: Nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho*”.

- Khoản 1 và 2 Điều 56: “*Tài sản của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo bao gồm quyên góp, tặng cho của tổ chức, cá nhân... phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật*”.

- Khoản 3 Điều 56: “*Cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo được hình thành theo tập quán, do các thành viên của cộng đồng cùng nhau đóng góp, quyên góp, được tặng cho chung hoặc từ các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng là tài sản thuộc sở hữu chung của cộng đồng*”.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo: tại cơ sở tín ngưỡng là di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng có tổ chức lễ hội tín ngưỡng định kỳ. Thực tế, tại một số chùa Phật giáo là di tích lịch sử-văn hóa, là nơi tổ chức lễ hội tín ngưỡng theo truyền thống của địa phương, trong đó, lãnh đạo chính quyền địa phương là Trưởng Ban tổ chức lễ hội. Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, lễ hội tại di tích lịch sử - văn hóa là hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức theo nghi lễ truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân, thuộc lễ hội truyền thống.

5.2. Sau đây là việc áp dụng Thông tư đối với một số trường hợp cụ thể:

- Trường hợp di tích là cơ sở tôn giáo không có hoạt động lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức, được **thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 dự thảo Thông tư** (tiền công đức, tài trợ cho di tích hoàn toàn do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng), tiêu biểu: (1) Cơ sở Phật giáo: Chùa Trấn Quốc và chùa Quán Sứ ở Hà Nội, chùa Yên Tử ở Quảng Ninh; (2) Cơ sở Công giáo: Nhà thờ đá Phát Diệm ở Ninh Bình, Nhà thờ chánh tòa Kon Tum ở Kon Tum; (3) Cơ sở Cao Đài: Tòa Thánh Tây Ninh ở Tây Ninh, Tòa thánh Cao đài Ban chính ở Bến Tre,...

- Trường hợp di tích là cơ sở tôn giáo có hoạt động lễ hội truyền thống do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích, được **thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 dự thảo Thông tư**. tiêu biểu: Chùa Thiên Quang trong khu di tích lịch sử Đền Hùng ở Phú Thọ, chùa Côn Sơn trong khu di tích quốc gia Côn Sơn-Kiếp Bạc ở Hải Dương, chùa Keo ở Thái Bình (chùa Phật giáo),...

6. **Điều 12** quy định quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng: Được căn cứ vào Nghị định

số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 110/2018/NĐ-CP (tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội).

7. **Điều 13** quy định quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích giao cho Ban Quản lý di tích là tổ chức kiêm nhiệm quản lý, sử dụng: Được căn cứ vào thực tiễn quản lý, sử dụng di tích tại các địa phương.

8. **Điều 14** quy định nội dung chi, mức chi bảo vệ và phát huy giá trị di tích:

Điểm c khoản 1 quy định: *“Chi hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo (đối với di tích là cơ sở tôn giáo, do tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng)”* trên cơ sở quy định tại khoản 11 Điều 2 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo *“Hoạt động tôn giáo là hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo”*. Theo đó, *“chi hoạt động tôn giáo”* là khoản chi thường xuyên, bao gồm chi cho hoạt động của nhà tu hành, chức sắc, chức việc trong tổ chức tôn giáo; nội dung chi cụ thể do tổ chức tôn giáo quy định.

Như vậy, với quy định trong dự thảo Thông tư đã đáp ứng được cơ bản các yêu cầu đặt ra trong thực tiễn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội, cụ thể:

(1) Làm rõ các chủ thể tổ chức lễ hội, quản lý và sử dụng di tích, trên cơ sở đó quy định cụ thể trách nhiệm các chủ thể trong quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

Cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận là di tích thì không thuộc đối tượng áp dụng Thông tư này.

(2) Đối với lễ hội: Kinh phí tổ chức lễ hội được sử dụng từ các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước (ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với hoạt động phục dựng, bảo vệ lễ hội truyền thống, bảo đảm phù hợp khả năng cân đối của ngân sách nhà nước). Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội phải quản lý, sử dụng các nguồn tài chính cho tổ chức lễ hội hiệu quả, bảo đảm đúng mục đích, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng.

(3) Đối với cơ sở tôn giáo là di tích đã được xếp hạng: Trường hợp tại di tích không có hoạt động lễ hội do cơ quan nhà nước tổ chức, thì tiền công đức, tài trợ cho di tích hoàn toàn do tổ chức tôn giáo quản lý và sử dụng. Trường hợp tại di tích có hoạt động lễ hội truyền thống do cơ quan nhà nước tổ chức định kỳ, thì tiền công đức, tài trợ cho di tích được trích một phần để chi cho hoạt động tổ chức lễ hội tại di tích, phần còn lại do tổ chức tôn giáo quản lý và sử dụng.

(4) Mở tài khoản, mở sổ sách để phản ánh, ghi chép các khoản thu, chi từ nguồn hỗ trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân cho công tác tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích là nguyên tắc quản lý tài chính, được áp dụng bắt buộc trong các cơ quan nhà nước. Các tổ chức, cá nhân khác được vận dụng để thực hiện, bảo đảm quản lý an toàn, công khai, minh bạch, *tạo niềm tin cho mọi người có đóng góp tài chính tin rồi sẽ tin hơn./*